

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BÀ RỊA  
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 23 - 8 - 2024

Vv ly hôn và tranh chấp nuôi  
con chung.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trí Thức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Văn Đê.

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024 về “Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị C, sinh năm 1983. Địa chỉ: Tổ A, Khu phố A, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1985. Địa chỉ: Tổ A, Khu phố A, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị C trình bày:

Bà C và ông T tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau có đăng ký kết hôn năm 2010 tại UBND phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại Khu phố A, phường L, thành phố B, cuộc sống bình thường đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T không lo công việc, thường xuyên tụ tập cờ bạc, lô đề, gây gỗ đánh đập vợ con. Vì lo cho sức khỏe, tính mạng nên bà đã phải chuyển nơi ở khác, đến nay không còn tình cảm gì với ông T nên bà C yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là **Phạm Ngọc Bảo H**, sinh ngày 16-11-2010 và **Phạm Ngọc H1**, sinh ngày 12-12-2019, bà **C** yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu ông **T** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn ông **Phạm Ngọc T**: đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án và triệu tập họp lệ tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của nguyên đơn.

3. Ý kiến đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do nên đề nghị xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Bà **C** và ông **T** kết hôn năm 2010 tại **UBND phường L, thành phố B** nên hôn nhân hợp pháp. Bà **C** cho rằng quá trình chung sống ông **T** không lo công việc, không quan tâm đến vợ con thường hay cờ bạc gây gỗ đánh đập vợ con và vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ lâu hiện không còn tình cảm với ông **T**; ông **Thanh vắng m** trong suốt quá trình tố tụng vụ án không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của nguyên đơn.. Căn cứ lời khai của nguyên đơn, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng là có thật và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà **C** được ly hôn với ông **T**

- Về con chung: bà **C**, ông **T** có 02 con chung là **Phạm Ngọc Bảo H**, sinh ngày 16-11-2010 và **Phạm Ngọc H1**, sinh ngày 12-12-2019, bà **C** yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu ông **T** cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, ông **T** không có ý kiến gì trong vụ án nên giao 02 cháu cho bà **C** được nuôi dưỡng là phù hợp, ông **T** không phải cấp dưỡng nuôi con do bà **C** không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà **C** không yêu cầu nên không xem xét.

- Án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn yêu cầu giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con chung; bị đơn có cư trú tại: **Tổ A, Khu phố A, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp vụ được xác định là ly hôn và tranh chấp nuôi con chung, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Ông **Phạm Ngọc T** đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần 2 tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do và nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án

xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định bà **Phạm Thị C** và ông **Phạm Ngọc T** tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau và đăng ký kết hôn năm năm 2010 tại **UBND phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu** nên hôn nhân giữa bà **C**, ông **T** là hợp pháp.

Bà **C** cho rằng sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, thường hay bất đồng quan điểm sống, ngoài ra ông **T** không tu chí làm ăn, không quan tâm, chăm sóc gì đến vợ con và gia đình, ngoài ra ông **T** còn hay cờ bạc gây gỗ đánh vợ con, từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt; vợ chồng đã ly thân từ lâu và nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà **C** yêu cầu được ly hôn với ông **T**; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông **T** đều vắng mặt, không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy căn cứ lời khai của bà **C**, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng bà **C** và ông **T** là có thật và trầm trọng, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà **C** được ly hôn với ông **T**.

- Về con chung: Bà **C**, ông **T** có 02 con chung là **Phạm Ngọc Bảo H**, sinh ngày 16-11-2010 và **Phạm Ngọc H1**, sinh ngày 12-12-2019, bà **C** yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu ông **T** cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, ông **T** không có ý kiến gì trong vụ án nên giao 02 cháu cho bà **C** được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, ông **T** không phải cấp dưỡng nuôi con do bà **C** không yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Án phí: Bà **C** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 56; 81; 82; 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Phạm Thị C** được ly hôn với ông **Phạm Ngọc T**.

- Về con chung: Giao 02 cháu **Phạm Ngọc Bảo H**, sinh ngày 16-11-2010 và **Phạm Ngọc H1**, sinh ngày 12-12-2019 cho bà **C** trực tiếp nuôi dưỡng, ông **T** không phải cấp dưỡng nuôi con do bà **C** không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền ngăn cản.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

2. Án phí: Bà **Phạm Thị C** phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0001047 ngày 12-3-2024 của Chi cục Thi hành án thành phố Bà Rịa. Bà **C** đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND, VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Bà Rịa;
- Chi cục THADS Tp. Bà Rịa;
- UBND P. Long Toàn, Tp. Bà Rịa;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Trí Thức**